TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2024/DS-ST
Ngày: 27-9-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm;

2. Bà Phạm Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 871/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 509/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thái Thị Thu T (C), sinh năm 1967; địa chỉ: số B, tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang và bà Trần Thị Yến N, sinh năm 1999; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền; theo Giấy ủy quyền ngày 17/4/2024, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C chứng thực; bà T1 vắng mặt, bà N có mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1973; địa chỉ: số B, tổ B, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2024 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn

cho rằng, vào ngày 12/7/2018 âm lịch (nhằm ngày 22/8/2018), bà Thái Thị Thu T (C) có cho bà Phạm Thị Thùy D vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn, bà D hứa khi nào có tiền sẽ trả cho bà T. Hai bên có lập tờ mượn nợ do bà D viết, ký tên, ghi họ tên. Tuy nhiên, cho đến thời điểm bà T khởi kiện, bà D vẫn chưa trả số nợ gốc, nợ lãi bà T mặc dù bà T nhiều lần yêu cầu. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu bà D phải có nghĩa vụ trả cho bà T nợ gốc 25.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 09/4/2024 đến khi Tòa án xét xử xong vụ án.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà T rút lại một phần yêu cầu trả lãi của số nợ gốc theo quy định pháp luật từ ngày 09/4/2024 đến khi Tòa án xét xử xong vụ án; yêu cầu bà T trả nợ gốc 25.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là Tờ mượn nợ ngày 12/7/2018 âm lịch, có chữ ký, đề họ tên người vay là Phạm Thị Thùy D (bản photo).

- Bị đơn bà Phạm Thị Thùy D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Yến N trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu trả lãi của số nợ gốc theo quy định pháp luật từ ngày 09/4/2024 đến khi Tòa án xét xử xong vụ án; yêu cầu bà D trả nợ gốc 25.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy, căn cứ bà D khởi kiện là giấy mượn nợ ngày 12/7/2018. Nội dung giấy này thể hiện bà T vay của bà D số tiền 25.000.000 đồng; lãi suất 05 lai (tương ứng 05%/tháng), bà D có ký tên. Qua đó, có căn cứ xác định giữa bà T và bà D có xác lập hợp đồng vay tài sản. Mặc dù, bà T đã yêu cầu bà D trả số tiền nhưng bà D không trả nên bà T khởi kiện yêu cầu bà D trả 25.000.000 đồng là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T; buộc bà D trả cho bà T số tiền 25.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Thái Thị Thu T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Thùy D trả nợ vay. Bà D đang cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Trước khi phiên tòa được mở, bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, vào ngày 12/7/2018 âm lịch (nhằm ngày 22/8/2018), bà Thái Thị Thu T (C) có cho bà Phạm Thị Thùy D vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn. Bà D hứa khi nào có tiền sẽ trả cho bà T. Hai bên có lập tờ mượn nợ đề ngày ngày 12/7/2018 âm lịch thể hiện việc vay. Tuy nhiên, cho đến thời điểm bà T khởi kiện, bà D vẫn chưa trả số nợ gốc, nợ lãi cho bà T mặc dù bà T nhiều lần yêu cầu, trong đó, lần đầu là sau ngày vay 01 tháng và lần gần nhất vào khoảng tháng 3/2024.

Lời khai của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phù hợp với nội dung tờ mượn nợ đề ngày ngày 12/7/2018 âm lịch có chữ ký, chữ viết đề họ tên bên vay Phạm Thị Thùy D.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án có ban hành nhiều văn bản tố tụng tống đạt cho bà D và triệu tập bà D tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà D đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với nội dung sự việc, yêu cầu khởi kiện của bà T.

Vì vậy, có căn cứ xác định, bà D vay của bà T số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn và bà D chưa trả nợ cho bà T.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu bà D trả cho bà T nợ gốc 25.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 09/4/2024 đến khi Tòa án xét xử xong vụ án.

Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu trả lãi của số nợ gốc theo quy định pháp luật từ ngày 09/4/2024 đến khi Tòa án xét xử xong vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả nợ lãi theo quy định pháp luật từ ngày 09/4/2024 đến khi Tòa án xét xử xong vụ án theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu còn lại, do bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bà T khởi kiện yêu cầu bà D trả nợ gốc 25.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại các Điều 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, buộc bà D trả cho bà T nợ gốc 25.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà T là 1.250.000 đồng.

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí 625.000 đồng mà bà T đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Thu T về việc yêu cầu bà Phạm Thị Thùy D trả nợ lãi của số nợ gốc theo quy định pháp luật từ ngày 09/4/2024 đến khi Tòa án xét xử xong vụ án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Thu T.

Buộc bà Phạm Thị Thùy D trả cho bà Thái Thị Thu T số nợ gốc *25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Thùy D phải chịu *1.250.000 (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng* án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Thái Thị Thu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Thái Thị Thu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp *625.000 (sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015456 ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Thái Thị Thu T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà Phạm Thị Thùy D được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Chí Bình